

點心 Snacks

diǎn xīn

打字 Type the **pinyin** of the vocabulary phrases

dǎ zì

1		bīng qí lín	
2		bǐng gān	
3		dàn gāo	
4		gǔo zhī	
5		qiǎo kè lì	
6		táng gǔo	
7		tián tián quān	
8		shuǐ guǒ	